

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC

ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin
trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng tổ chức niêm yết

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG .

Năm báo cáo : 2008

I/ Lịch sử hoạt động của Công ty :

1. Những sự kiện quan trọng :

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thành lập theo quyết định số 981/QĐ-UB ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Khi thành lập Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bó - Di linh (Công ty cổ phần Hiệp Thành hiện nay) và Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh VLXD Đức Trọng và 03 phân xưởng SX đá xây dựng. Nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng, tổng số lao động có 123 người - trong đó có 06 lao động có trình độ đại học và 11 lao động có trình độ trung cấp.

Tháng 12/1999 Công ty thực hiện cổ phần hoá Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bó - Di linh thành Công ty cổ phần Hiệp Thành - vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ.

Tháng 11/2002, Trung tâm Giới thiệu và Kinh doanh VLXD được tách ra thành lập Công ty cổ phần Hiệp Phú - vốn điều lệ 03 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 35% vốn điều lệ.

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 35/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 17/3/2003 và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 - vốn điều lệ 10 tỷ đồng, đến quý IV/2004 tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng. Ngày 20/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM). Năm 2007 Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41.355.560.000 đ .

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 thay đổi lần 4 ngày 18/06/2007 đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng với vốn điều lệ là 41.391.600.000 đồng.

2. Quá trình phát triển :

Qua hơn 13 năm hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân 20% năm, tổng tài sản trên 100 tỷ đồng. Đội ngũ lao động có năng lực và tâm huyết với công việc, với sự phát triển của Công ty. Tổng số lao động hiện có 542 người, trong đó có 80 người có trình độ đại học và 45 lao động có trình độ trung cấp và trên 200 công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo.

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sản lập mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà. Vận chuyển hàng hóa. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất nhập khẩu.

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu:

Xây dựng Công ty phát triển bền vững và ổn định. Phần đầu tốc độ tăng trưởng về doanh thu công nghiệp bình quân 10%/năm, nâng mức cổ tức phải đạt 15%/năm trong năm 2009 và 17% đến 20%/năm cho các năm sau. Nâng cao khả năng tự tích lũy của công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ mức 41 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng:

Theo dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật chứng khoán, các Công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán phải có vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng. Công ty phải xây dựng lộ trình tăng vốn phù hợp với yêu cầu về quy mô phát triển sản xuất. Ngày 31/12/2008 Cty đã có giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng 4.3644.400 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ đồng. Để phù hợp với tình hình mới, Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh một cách khoa học, linh hoạt và vận dụng các kiến thức mới

+ Ưu tiên đầu tư cho công tác thị trường, trong đó: xác định độ lớn thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm theo yêu cầu của thị trường hiện hữu, tích cực tìm kiếm thị trường tiềm năng nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và phục vụ tốt cho việc hoạch định chiến lược đầu tư phát triển (đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, đầu tư mới);

+ Thực hiện quảng bá thương hiệu, các hoạt động xúc tiến thương mại: Với mục tiêu quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng, Công ty tích cực thực hiện việc quảng cáo, tham gia các hội chợ chuyên ngành trong nước, trong khu vực, tham dự các giải thưởng về chất lượng sản phẩm, chất lượng quản lý, phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hoá đồng thời duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000.

- Tập trung đầu tư chiều sâu cho các Xí nghiệp có lợi thế về công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường nhằm tạo năng lực sản xuất mới, tăng sản lượng sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và đem lại hiệu quả cao. Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất các Xí nghiệp hiện hữu trên cơ sở tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhằm tăng doanh thu công nghiệp đạt 20 tỷ - 30 tỷ/Xí nghiệp/năm. Cụ thể năm 2008 Công ty đã mạnh dạn đầu tư :

+ Đầu tư Mở rộng Nhà máy Gạch ngói tuy nen Thanh Mỹ nâng công suất lên 40 triệu viên gạch/năm với giá trị quyết toán 11,684 tỷ đồng;

+ Đầu tư mở rộng và chiều sâu dây chuyền sản xuất cao lanh tại Xí nghiệp Hiệp Tiến nâng công suất lên 15.000 tấn năm với giá trị quyết toán 20,138 tỷ đồng.

+ Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy sứ Hiệp An công suất 8.000 tấn/năm, giá trị 45 tỷ đồng .

Hầu hết các dự án đưa vào sử dụng đều mang lại hiệu quả cao.

- Đầu tư tìm kiếm các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ cho kế hoạch phát triển sản phẩm mới, kể cả việc hình thành các nhà máy sản xuất mới.

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các loại sản phẩm mới như: sứ dùng cho hoá chất, cho công nghệ đúc và các lĩnh vực khác.

- Đầu tư các chương trình và phần mềm quản lý theo từng hệ hoặc một số phân hệ cần thiết trước nhằm tăng hiệu quả trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính và các biện pháp quản trị trong hoạt động chứng khoán của Công ty.

- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: có chính sách thu hút đãi ngộ lao động, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc (đầu tư thêm các thiết bị, công cụ làm việc hiện đại, tính tự động hoá cao...) nhằm hỗ trợ công việc đạt hiệu quả; phân phối lương, thưởng, thu nhập phù hợp đảm bảo kích thích sự sáng tạo và cải tiến trong công việc. Trong xu thế ngày càng cạnh tranh về nguồn nhân lực - đặc biệt là lao động có năng lực và lao động có tay nghề cao - ngoài chính sách đãi ngộ và thu hút Công ty sẽ đầu tư nhiều hơn cho công tác đào tạo trong đó chú trọng nguồn nhân lực trẻ.

- Lĩnh vực xây dựng cơ bản trong những năm qua do biến động tăng mạnh về giá vật tư đầu vào, đồng thời công tác quản lý chưa chặt chẽ và kịp thời nên hoạt động không có hiệu quả. Định hướng sẽ thu hẹp hoạt động lĩnh vực này để tập trung cho công tác sản xuất công nghiệp nhằm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (tình hình tài chính, lợi nhuận của CTy tại thời điểm cuối năm 2008) :

- Tổng DT thực hiện 131,370 tỷ đồng, tăng 175,18 % so với năm trước (Doanh thu năm 2007 79,528 tỷ). Trong đó: Doanh thu công nghiệp là 129,267 tỷ (Chiếm tỷ trọng 98%/tổng doanh thu). Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 782.112 USD tăng 357,3 % so với năm 2007.

- Lợi nhuận thực hiện 13,716 tỷ đồng. Trong đó : Từ SXKD 9,784 tỷ , từ đầu tư tài chính 3,932 tỷ. Năm 2008 thuế TNDN được miễn và bổ sung quỹ Đầu tư phát triển là 1,910 tỷ đồng.

- Thu nộp Ngân sách : 6,874 tỷ, tăng 8,9 % so với năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty : 67.335.590.762 đồng, tăng 9,6 % so với năm trước;
Bao gồm :

- * Vốn Cổ đông : 41.355.600.000 đồng.
- * Thặng dư vốn cổ phần : 13.910.464.220 đồng.
- * Các Quỹ của Công ty : 8.212.834.505 đồng.

Các khoản nợ phải thu cuối kỳ : 40,013 tỷ, tăng 45,21 % so với năm trước do tạm ứng cho các dự án chưa quyết toán .

- Các khoản nợ phải trả cuối kỳ : 49,305 tỷ, tăng 63,99 % so với năm trước (không phát sinh nợ phải trả quá hạn) do ứng cho các dự án chưa kết chuyển tài sản .

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận chủ yếu so với kế hoạch :

ĐVT: 1000 đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%THỰC HIỆN
- Doanh thu	124.266.000	131.370.123	105,71
Trong đó : Xuất khẩu	800.000 USD	782.112 USD	97,75
- Tổng chi phí	112.700.000	117.653.812	97,18
Trong đó: + CP quản lý	16.600.000	20.067.494	120,9
+ KH TSCĐ	9,710.000	9.970.678	102,67
- Lợi nhuận trước thuế	11.566.000	13.716.311	118,7
- Nộp ngân sách	6.309.000	6,874,000	108,9
- Thu nhập người lao động	2.030/tháng	2.503/tháng	123,6
- Thu nhập ròng / Cổ phiếu	2,84	3,10	109,7
- Cổ tức / Cổ phiếu	1,2	1,2	100

Cổ tức trên cổ phiếu đạt 12% theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ .

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, Sản phẩm và thị trường mới ...):

Nhìn chung, năm 2008 Công ty đã có sự thay đổi lớn, đột phá về chương trình đầu tư phát triển, về chiến lược kinh doanh, chiến lược sản phẩm mới và công tác thị trường. Công Ty đã mạnh dạn đầu tư mở rộng các dự án mới bằng nguồn phát hành và tài trợ khác lên đến hơn 100 tỷ đồng. Hoạt động SXKD hiện tại của Công ty chủ yếu dựa vào năng lực hiện có tại các Xí nghiệp thành viên, mục tiêu chủ yếu trước mắt là tăng sản lượng công nghiệp từ 20%/năm trở lên. Riêng lĩnh vực Xây lắp, tập trung hoàn thiện các công trình dở dang, không mở rộng vì tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Trong năm 2008 tổng doanh thu công nghiệp toàn Công ty đã tăng đáng kể. Công ty đã xây dựng hoàn chỉnh và vận hành theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, tham gia các chương trình hội chợ và đạt được các giải thưởng: Cúp vàng thương hiệu Ngành xây dựng, Huy chương vàng sản phẩm cao lanh HTK-8050, DQK-C10, Giải thưởng Cúp vàng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” năm 2008, Cúp vàng sản phẩm/ dịch vụ uy tín Hội nhập WTO

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu chiến lược...):

- Tập trung triển khai các dự án đầu tư phát triển mở rộng, đầu tư chiều sâu tại các Xí nghiệp thành viên nhằm từng bước tăng quy mô hoạt động SXKD, đa dạng hoá lĩnh vực đầu tư, đa dạng hoá hơn nữa các chủng loại sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng năng lực cạnh tranh ... của Công ty. Phần đầu đưa doanh thu sản xuất công nghiệp tăng trên 1,5 lần trong năm 2009 và đến năm 2010 tăng trên 2 lần so với hiện nay.

- Các dự án đầu tư trong năm 2007-2008 tập trung vào các lĩnh vực : Đầu tư chiều sâu sản xuất sản phẩm cho cao lanh làm chất độn sơn ; đầu tư tăng công suất sản phẩm sứ chịu nhiệt và đa dạng hoá sản phẩm chịu nhiệt phục vụ các ngành đúc thép, công nghiệp hoá chất, lọc dầu, tàu thủy, xây dựng ; đầu tư mở rộng cho gạch xây dựng, đá xây dựng, bê tông tươi, vùng mỏ nguyên liệu, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác... Tổng vốn đầu tư trên 60 tỷ VNĐ.

- Sau đầu tư giai đoạn 2007-2008 sản phẩm Công ty đa dạng về chủng loại và số lượng tăng, chất lượng cao, tập trung thâm nhập và phát triển thị trường trong nước về lĩnh vực sử dụng: công nghiệp sơn, hoá chất, lọc dầu, phân bón và phát triển thị trường xuất khẩu ngoài Hàn Quốc, Nhật sẽ hướng đến một số nước khác trong khu vực châu Á, Âu, Mỹ. Giai đoạn tiếp theo đến 2010, định hướng của Công ty là tiếp tục đầu tư mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất, mở rộng ngành nghề và lĩnh vực sản xuất theo hướng đa dạng về chủng loại sản phẩm hàng hoá, đa dạng về lĩnh vực đầu tư, chiếm lĩnh và ổn định thị trường nhằm hạn chế tối đa rủi ro, bảo đảm cho Công ty phát triển ổn định bền vững trong thời kỳ hội nhập.

5. Đầu tư và Phát triển sản xuất:

Mở rộng vùng nguyên liệu :

Để đảm bảo trữ lượng nguyên liệu cho hoạt động sản xuất lâu dài và ổn định, ngoài diện tích mỏ đã được cấp phép trước đây thì trong năm 2008 Công ty mở rộng 02 vùng mỏ:

- Giấy phép số 89/GP-UBND ngày 13/10/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Cho phép Công ty được khai thác đá mỏ Cam Ly:

+ Diện tích : 9,24ha với trữ lượng : 2.053.000m³.

+ Thời hạn khai thác: 20 năm (kể từ ngày cấp phép)

- Giấy phép số 65/GP-UBND ngày 30/5/2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v: Cho phép Công ty được khai thác sét mỏ Tu-Tra - Huyện Đơn Dương - Tỉnh Lâm Đồng:

+ Diện tích : 3,45ha với trữ lượng : 76.250m³.

+ Thời hạn khai thác: 03 năm (kể từ ngày cấp phép)

Đầu tư mở rộng sản xuất :

Trong năm qua Công ty đã triển khai đầu tư 03 dự án :

-Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sứ Hiệp An :

+Khởi công xây dựng tháng 3/2008 và hoàn thành vào tháng 02/2009.

+Công suất : 7.750 tấn ống sứ và VLCL/năm

+Vốn đầu tư : 46 tỷ đồng.

-Dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông – XN Bê tông Hiệp Lực :

+Triển khai đầu tư tháng 7/2008.

+Công suất : 50.000m³/năm

+Vốn đầu tư : 7,951 tỷ đồng.

-Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến cao lanh Trại Mát :

+ Triển khai đầu tư tháng 2/2009.

+Công suất : 30.000 tấn/năm

+Vốn đầu tư : 7,27 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG :

Năm 2008 có nhiều khó khăn, sự biến động giá cả do tình hình lạm phát ở đầu năm và giảm phát của 06 tháng cuối năm đã tác động lớn đến việc tiêu thụ sản phẩm, lãi suất tăng cao và chủ trương siết chặt vay tín dụng ngân hàng . Đồng thời việc hoàn chỉnh hồ sơ phát hành cổ phiếu chậm so với kế hoạch đề ra đã ảnh hưởng đến các dự án đầu tư của Công ty .

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành đã triển khai nhiều biện pháp : rà soát giảm chi phí sản xuất, giảm giá bán để đẩy mạnh tiêu thụ, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hạn chế nợ phải thu ... năm 2008 đã hoàn thành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra .

Những tồn tại :

- Một số cán bộ quản lý thiếu tính năng động và quyết định không kịp thời trong công tác quản lý, điều hành. Công tác xây dựng kế hoạch SX-KD, chiến lược thị trường chậm và chưa khoa học.

- Công tác đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên nghiệp vụ chưa cụ thể, nên việc chi trả lương, thưởng chưa khuyến khích được người lao động. Từ đó, chưa sàng lọc những người có năng lực và sa thải những người lao động không đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Công tác xây dựng , ban hành các định mức kinh tế – kỹ thuật chậm và chưa sát thực tế nên trở ngại trong việc kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất .

- Thực hiện quy trình thủ tục của Hệ thống quản lý chất lượng ở một vài bộ phận chưa nghiêm túc, còn đối phó, chưa xem đây là công cụ để kiểm soát các hoạt động của đơn vị, tiết kiệm chi phí trong sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ... sẽ tiềm ẩn rủi ro về chất lượng sản phẩm làm giảm uy tín thương hiệu sản phẩm và mất khách hàng. – Những lô sản phẩm cao lanh HTK không đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã cam kết với khách hàng.

- Công tác quản trị tài chính còn yếu, chưa hoạch định một chiến lược cụ thể nên triển khai thực hiện các biện pháp về tài chính còn lúng túng và tiềm ẩn rủi ro.

- Công tác đầu tư các dự án trong năm 2008 : tiến độ thi công chậm trễ nên quyết toán vốn đầu tư chậm đã ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của dự án.

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và Quy chế quản trị Công ty ban hành theo Quyết định 156/2007/QĐ-HĐQT ngày 17/12/2007. Mỗi thành viên thực

hiện nhiệm vụ theo sự phân công để chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban giám đốc điều hành theo các mục tiêu chiến lược và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Những vấn đề lớn được Hội đồng quản trị quyết định trong năm 2008 :

+ Quyết định phê duyệt 03 dự án đầu tư :

- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sứ Hiệp An
- Dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông – Xí nghiệp Bê tông Hiệp Lực
- Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến cao lanh Trại Mát

+ Quyết định giá chào bán cổ phiếu cho từng đối tượng trong đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lần 2 và phê duyệt hồ sơ phát hành.

+ Quyết định ban hành Quy chế người đại diện phần vốn của Công ty (LBM) tại các doanh nghiệp.

+ Quyết định đình chỉ hoạt động của Xí nghiệp Xây lắp.

6. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý :

Đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và một thành viên HĐQT là Phó Tổng Giám đốc nên việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị luôn được thấu đáo và triệt để. Những vấn đề phát sinh trong công tác điều hành nhưng thuộc thẩm quyền của HĐQT thì được trao đổi và xin ý kiến bằng văn bản. Do đó, việc điều hành các hoạt động đúng định hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Đối với cán bộ quản lý:

Các nghị quyết của HĐQT đều được thông báo và chỉ đạo đến các Trưởng phòng nghiệp vụ, các Giám đốc Xí nghiệp. Cán bộ quản lý được mời tham dự các cuộc họp HĐQT khi có liên quan về công tác nghiệp vụ .

Việc chỉ đạo và giám sát trực tiếp các cán bộ quản lý được phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm trong Công ty. Trong năm qua các cán bộ quản lý của công ty thể hiện được trách nhiệm vai trò quản lý và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Chương trình hành động năm 2009 – 2010 :

Tổ chức – Nhân sự :

- Rà soát và sa thải những nhân viên nghiệp vụ không đáp ứng theo yêu cầu công việc. Đồng thời tuyển dụng nhân viên nghiệp vụ có năng lực. Mục tiêu là giảm 02 ÷ 04% lao động nghiệp vụ.

- Rà soát các bộ phận SX, sắp xếp lại nhằm cắt giảm 05% lao động trực tiếp.

- Định mức Quỹ tiền lương toàn Công ty năm 2009 không cao hơn năm 2008.

Về sản xuất – kinh doanh:

- Đảm bảo sản xuất và tiêu thụ ổn định theo kế hoạch đề ra.

- Hoàn chỉnh dây chuyền công nghệ và ổn định chất lượng cao lanh dùng cho công nghiệp sơn trong quý 2/2009.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư của 02 dự án : Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy chế biến cao lanh Trại Mát và Dự án mở rộng trạm trộn Bê tông .

- Đầu tư thiết bị tạo hình để sản xuất các sản phẩm mới tại Nhà máy sứ Hiệp An như : sứ đúc kim loại, sứ dùng trong công nghiệp hoá chất, tấm lót hàn, gạch xếp cách nhiệt. Dự kiến vốn đầu tư 15 tỷ đồng – gồm 02 giai đoạn :

+ Giai đoạn I : Năm 2009 đầu tư 05 tỷ đồng – Nhằm thăm dò thị trường và hoàn chỉnh công nghệ . Sau khi xác định nhu cầu về sản lượng, chất lượng của từng loại sản phẩm ở thị

trường nước ngoài và thị trường trong nước thì sẽ quyết định đầu tư giai đoạn II để nâng cao năng lực sản xuất.

+ Giai đoạn II : Năm 2010 đầu tư 10 tỷ đồng

- Tăng cường công tác thị trường nhằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm cao lanh HTK, DQK và ống sứ như kế hoạch đề ra.

Về tài chính:

- Kiểm tra nội bộ định kỳ và kiểm toán tài chính hàng quý để công bố thông tin và minh bạch tài chính theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và đầu tư trong năm 2009.

- Đảm bảo thanh toán đến hạn, hạn chế tối đa nợ quá hạn và không phát sinh nợ xấu.

- Nghiên cứu và hoàn chỉnh các hồ sơ để vay vốn với lãi suất ưu đãi theo chính sách kích cầu của Nhà nước.

Mục tiêu: Khai thác tốt các nguồn lực bên trong và bên ngoài Công ty để phát triển. Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ số tài chính như khả năng thanh toán :

- Khả năng thanh toán hiện thời (1,82 lần).

- Khả năng thanh toán nhanh đạt (1,32 lần).

- Khả năng sinh lợi: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu 9,58 % (đạt tương đối so với trung bình ngành (6,42 %).

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2008 là : 41,355,600 tỷ đồng .

+ Tổng số cổ phiếu theo từng loại : Cổ phiếu phổ thông .

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 3.985,560 cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu Quỹ : 150.000 cổ phiếu

+ Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : 12 %

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2008

Doanh thu toàn Công ty 131.370.123.608 đồng đạt 105,71 %/ KH năm và tăng 75,6 % so với năm 2007 . Doanh thu Công nghiệp tăng 83,% so với năm 2007. Kim ngạch xuất khẩu đạt 97,8 % và vượt 257,3 % so với năm 2007. Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty: 13.716.311.302 đồng đạt 118,7% KH năm và tăng 187 % so với năm 2007. Nộp ngân sách nhà nước vượt 8,95% KH năm và tăng 11,8% so với năm 2007. Cổ tức đạt 12 %/năm . Năm 2008 doanh thu công nghiệp tăng 83 % so với cùng kỳ năm trước đã thể hiện mức tăng trưởng cao về sản xuất sau đầu tư, kim ngạch xuất khẩu tăng 257 % so với năm 2007 chứng tỏ giá trị sản phẩm của Công ty đang từng bước được nâng lên, thị trường đang từng bước được mở rộng và tăng trưởng. Lợi nhuận tăng 18, 7 % so với năm 2007. Mặc dù hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu tăng so với năm 2007 nhưng kết quả trên chưa tương xứng với tiềm năng của Công ty do những tồn tại và hạn chế sau:

+ Do khắc phục những tồn tại trong quản lý điều hành của Xí nghiệp Xây lắp và thực hiện theo TT13/BTC về quy định trích các khoản dự phòng nên năm 2008 Cty đã trích dự phòng nợ khó đòi 4,399 triệu đồng.

+ Sản phẩm cao lanh Hiệp Tiến sau khi đã qua tinh lọc có giá trị cao gấp 5 lần cao lanh thô, chất lượng sản phẩm cạnh tranh được với hàng nhập khẩu, giá cả được các nhà sản xuất có uy tín trong và ngoài nước chấp nhận, tuy nhiên do thiết bị máy móc đầu tư chưa đồng bộ, nhất là hệ thống sấy chưa khắc phục kịp thời nên cũng chưa có sản phẩm tiêu thụ như kế hoạch .

+ Các dự án còn trong giai đoạn đầu tư nên chưa phát huy hết hiệu quả .

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:*

- Phân công chỉ đạo và điều hành theo nghiệp vụ chuyên môn.
- Phân định công tác nghiệp vụ và công tác quản trị.
- Bổ nhiệm và thay đổi các chức danh cho phù hợp với mô hình Công ty .

**Những cải tiến về chính sách, quản lý:*

- Áp dụng quy chế tiền lương, thưởng tiên tiến; thực hiện thưởng từng quý cho những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ ; thưởng đột xuất cho những cá nhân có những sáng kiến, cải tiến trong kỹ thuật, quản lý ... mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.
- Quản lý theo kế hoạch; theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành và thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức trong thời gian 06 tháng, 01 năm.
- Phân định trách nhiệm và quyền hạn của Giám đốc nghiệp vụ, Giám đốc Xí nghiệp .

**Các biện pháp kiểm soát các hoạt động của Công ty:*

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, quý.
- Báo cáo của các Giám đốc, Phòng nghiệp vụ .
- Báo cáo nhanh hàng tuần.
- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ.
- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến tại Bảo Lộc - Lâm Đồng, tạo sản phẩm cao lanh chất lượng cao cung ứng cho các lĩnh vực: men, xương sứ cao cấp, sơn, giấy nhằm thay thế cao lanh nhập khẩu.
- Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất gạch tuynen Thanh Mỹ tại Đơn Dương - Lâm Đồng tăng công suất lên gấp đôi so với hiện tại.
- Đầu tư chiều sâu cho hai mỏ đá N'thol Hạ 2 tại địa bàn Huyện Đức Trọng và mỏ đá Cam Ly tại Tp.Đà Lạt. Đưa công suất trong lĩnh vực sản xuất đá tăng gấp đôi so với hiện nay.
- Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm sứ xuất khẩu tại Xí nghiệp Hiệp An - huyện Đức Trọng.
- Đầu tư thiết bị, chương trình quản lý, dụng cụ thí nghiệm kỹ thuật tiên tiến.
- Tiếp tục đầu tư cho công tác mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

Mặt khác, để bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc mở rộng và phát triển sản xuất lâu dài, Công ty đầu tư mở rộng vùng mỏ nguyên liệu mới với diện tích khoảng 40ha bao gồm: mỏ cao lanh tại Bảo Lộc, mỏ Bentonite tại Di Linh, mỏ sét gạch ngói tại Đơn Dương. Ngoài ra, Công ty cũng sẵn sàng tiếp nhận hoặc đầu tư ngay các dự án có cơ hội phát triển và mang lại hiệu quả cao, đặc biệt các dự án sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.

Các dự án trên đã hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2008 nên việc phát triển thị trường là vấn đề trọng yếu. Việc tìm biện pháp đẩy mạnh thị trường tiêu thụ các loại sản phẩm là mục tiêu hàng đầu trong giai đoạn hiện nay.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2008
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008

Các báo cáo tài chính được thực hiện theo qui định của pháp luật về kế toán.

Mẫu CBTT-03 (sửa đổi)

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
17 B Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT *Năm 2008*

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	77.416.455.594	89.519.359.160
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		8.264.023.870	20.061.870.307
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		25.000.000.000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		27.554.189.692	40.013.048.470
4	Hàng tồn kho		10.930.671.279	24.404.041.699
5	Tài sản ngắn hạn khác		5.667.570.753	5.040.398.684
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	36.330.484.766	78.290.958.856
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		33.587.161.921	74.387.052.928
	- Tài sản cố định hữu hình		25.674.543.361	51.988.472.783

	- Tài sản cố định vô hình		2.242.716.233	1.900.370.683
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.669.902.327	20.498.209.462
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.070.856.230	1.098.090.588
5	Tài sản dài hạn khác		1.672.466.615	2.805.815.340
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	113.746.940.360	167.810.318.016
IV	Nợ phải trả	Đồng	46.221.982.072	93.392.274.841
1	Nợ ngắn hạn		30.065.697.633	49.305.396.213
2	Nợ dài hạn		16.156.284.439	44.086.878.628
V	Vốn chủ sở hữu	Đồng	61.402.474.871	67.335.590.762
1	Vốn chủ sở hữu		60.268.319.129	66.336.660.634
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.355.600.000	41.355.600.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		13.910.464.220	13.910.464.220
	- Cổ phiếu quỹ		-	(2.425.234.557)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển		4.432.944.600	6.386.034.132
	- Quỹ dự phòng tài chính		602.898.826	827.870.245
	- Quỹ khác của chủ sở hữu		55.778.520	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(89.367.036)	6.281.926.594
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		1.134.155.742	998.930.128
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.134.155.742	998.930.128
	- Nguồn kinh phí			

	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	Lợi ích của cổ đông thiểu số		6.122.483.417	7.082.452.413
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	113.746.940.360	167.810.318.016

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	79.528.898.798	131.370.123.608
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		228.571	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.528.670.227	131.370.123.608
4	Giá vốn hàng bán		57.881.901.790	83.016.133.324
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.646.768.437	48.353.990.284
6	Doanh thu hoạt động tài chính		3.177.061.210	580.427.342
7	Chi phí tài chính		3.185.505.640	5.361.878.674
8	Chi phí bán hàng		4.863.781.605	9.618.255.222
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.532.718.013	20.067.494.873
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		7.241.824.389	13.886.788.857
11	Thu nhập khác		213.115.244	290.193.567
12	Chi phí khác		152.898.627	597.630.480
13	Lợi nhuận khác		60.216.617	(307.436.913)
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		13.124.978	136.959.358
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.315.165.984	13.716.311.301
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp		304.741.710	1.131.738.529
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.010.424.274	12.584.572.772
	<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>		<i>1.131.134.090</i>	<i>3.600.799.966</i>
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>		<i>5.879.290.184</i>	<i>8.983.772.806</i>
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.695	3.109
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	68,06	53,35
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	31,94	46,65
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	40,64	55,65
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,98	40,13
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,21	1,32
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,57	1,82
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	6,43	8,17
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,81	9,58
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,42	18,69

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Số: 341 /BCKT/TC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008
của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng*

Kính gửi:

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng ("Công ty") và các công ty con (Công ty và các công ty con gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 19/01/2009 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 08 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Báo cáo kiểm toán được phát hành dưới dạng báo cáo loại trừ.

Cơ sở ý kiến

Ngoại trừ những hạn chế nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

- Tại ngày 31/12/2008 số dư khoản "Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi" trên bảng cân đối kế toán của Tập đoàn là 3.441.364.372 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình nợ phải thu lâu năm của công ty, chúng tôi tính toán theo hướng dẫn tại thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính, và theo ý kiến chúng tôi Công ty cần phải trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ ước tính là 3.489 triệu đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV số: D0064/KTV

Kiểm toán viên

(Đã ký)

Trần Văn Khoa

Chứng chỉ KTV số: 0159/KTV

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành 58.48% (7,368,700,000 /12,600,000,000 đ)

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : Đầu tư vốn vào Công Ty Cổ Phần Hiệp Thành (Công Ty con) 58,48 % và Công Ty Cổ Phần Hiệp Phú (Công Ty liên kết) 35% (1,050,000,000 đ / 3,000,000,000 đ)

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CÔNG TY CON:

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	14,272,614,571	20,527,911,286
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		2,403,894,044	2,736,015,375
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		9,082,237,399	8,752,895,825
4	Hàng tồn kho		2,587,502,365	8,937,270,542
5	Tài sản ngắn hạn khác		198,980,763	101,729,544
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	3,481,574,656	3,808,139,572
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		3,444,908,659	3,758,392,625
	- Tài sản cố định hữu hình		2,413,696,903	3,541,911,941
	- Tài sản cố định vô hình		-	-
	- Tài sản cố định thuê tài chính			-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,031,211,756	216,480,684
3	Bất động sản đầu tư			-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
5	Tài sản dài hạn khác		36,665,997	49,746,947
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	17,754,189,227	24,336,050,858
IV	Nợ phải trả	Đồng	2,758,232,491	6,838,372,383
1	Nợ ngắn hạn		2,636,315,012	5,080,681,117
2	Nợ dài hạn		121,917,479	1,757,691,266
V	Vốn chủ sở hữu	Đồng	14,995,956,736	17,497,678,475
1	Vốn chủ sở hữu		14,480,925,219	16,788,133,127

	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12,600,000,000	12,600,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		-	-
	- Cổ phiếu quỹ		-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển		1,585,387,132	3,507,896,990
	- Quỹ dự phòng tài chính		295,538,087	680,236,137
	- Quỹ khác của chủ sở hữu		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		515,031,517	709,545,348
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		515,031,517	709,545,348
	- Nguồn kinh phí			
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	17,754,189,227	24,336,050,858

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	22,060,560,106	30,223,498,653
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22,060,560,106	30,223,498,653
4	Giá vốn hàng bán		17,916,615,226	18,405,144,427
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,143,944,880	11,818,354,226
6	Doanh thu hoạt động tài chính		41,227,365	322,171,074
7	Chi phí tài chính		3,673,667	-
8	Chi phí bán hàng		91,572,247	223,235,182

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		1,179,229,896	2,257,735,449
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		2,910,696,435	9,659,554,669
11	Thu nhập khác		128,357,067	35,893,574
12	Chi phí khác		10,000,401	45,324,906
13	Lợi nhuận khác		118,356,666	(9,431,332)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3,029,053,101	9,650,123,337
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		304,741,710	977,676,405
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,724,311,391	8,672,446,932
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2,162	6,883
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

**2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CÔNG TY LIÊN KẾT:
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP PHÚ**

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	3,458,636,521	3,134,946,459
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		70,554,952	310,656,709
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		2,666,957,791	2,183,784,245
4	Hàng tồn kho		506,153,498	523,679,661
5	Tài sản ngắn hạn khác		214,970,280	116,825,844
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	3,515,955,036	2,886,740,722
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		3,475,281,674	2,886,740,722
	- Tài sản cố định hữu hình		3,475,281,674	2,886,740,722
	- Tài sản cố định vô hình		-	-

	- Tài sản cố định thuê tài chính			-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
3	Bất động sản đầu tư			-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
5	Tài sản dài hạn khác		40,673,362	-
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	6,974,591,557	6,021,687,181
IV	Nợ phải trả	Đồng	3,918,291,620	2,869,869,692
1	Nợ ngắn hạn		2,131,853,987	1,436,409,719
2	Nợ dài hạn		1,786,437,633	1,433,459,973
V	Vốn chủ sở hữu	Đồng	3,056,299,937	3,151,817,489
1	Vốn chủ sở hữu		3,056,299,937	3,147,747,447
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2,978,000,000	2,978,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		-	-
	- Cổ phiếu quỹ		-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển		-	-
	- Quỹ dự phòng tài chính		-	2,714,997
	- Quỹ khác của chủ sở hữu		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		78,299,937	167,032,450
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		-	4,070,042
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	4,070,042
	- Nguồn kinh phí			
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	6,974,591,557	6,021,687,181

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

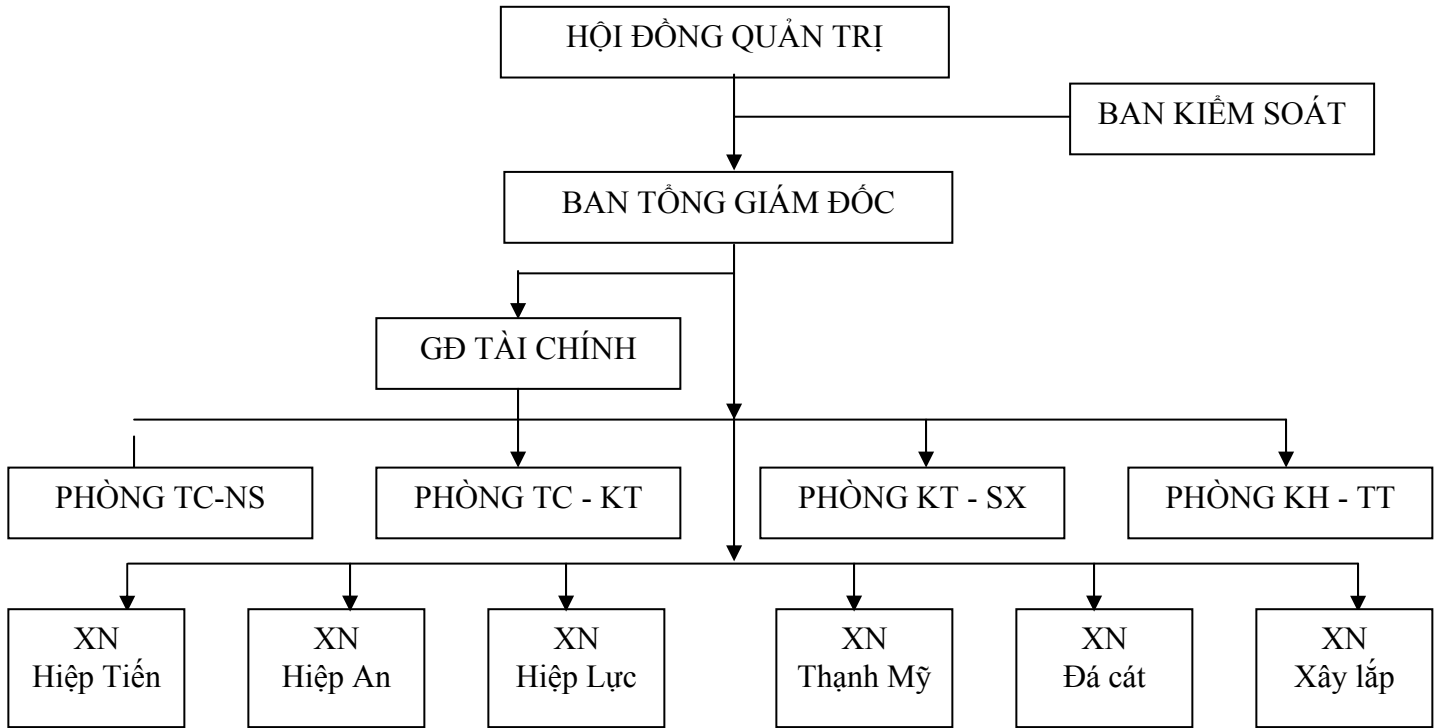
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	5,833,233,597	9,761,942,552
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5,833,233,597	9,761,942,552
4	Giá vốn hàng bán		3,782,209,612	5,989,791,712
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2,051,023,985	3,772,150,840
6	Doanh thu hoạt động tài chính		41,020,038	50,862,971
7	Chi phí tài chính		381,074,381	365,448,500
8	Chi phí bán hàng		984,050,682	1,723,285,930
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		582,507,626	976,971,889
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		144,411,334	757,307,492
11	Thu nhập khác		-	4,557,790
12	Chi phí khác		40,000,000	113,385,787
13	Lợi nhuận khác		(40,000,000)	(108,827,997)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		104,411,334	648,479,495
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		11,185,705	257,167,045
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		93,225,629	391,312,450
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		313	1,314
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

Đầu tư vào Công ty con lợi nhuận được chia 15 %/vốn hàng năm. Công Ty liên kết 9%/năm.

VII/ Tổ chức và nhân sự :

1. Cơ cấu tổ chức:

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty như sau:



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng Giám đốc :

1/ Ông Lương Hùng Minh

Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 02/5/1954

Địa chỉ thường trú: 242A1 Phan Đình Phùng - TP Đà Lạt - Lâm Đồng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Vật liệu xây dựng

2/ Ông Võ Xuân Sơn

Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 19/4/1957

Địa chỉ thường trú: Hiệp Thạnh - Huyện Đức Trọng - Lâm Đồng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Ban Tổng Giám đốc được trả lương theo quy chế trả lương của Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Khi điều hành Công ty hoàn thành tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra thì được thưởng tùy theo mức độ thực hiện.

VIII/ Thông tin cổ đông :

1. Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát :

Hội đồng quản trị : có 07 thành viên

Cơ cấu như sau: 01 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty ; 01 Phó chủ tịch HĐQT và 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.

Hiện nay có 03 thành viên tham gia điều hành, 04 thành viên không tham gia điều hành Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao 1.000.000đ/người/ tháng.

Các thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ 5,75% cổ phần Công ty, mỗi thành viên được chuyển nhượng không quá 50% số cổ phần nắm giữ. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên phải được báo cáo tại phiên họp thường kỳ gần nhất.

Các thành viên HĐQT đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và đào tạo về quản trị Công ty.

Ban kiểm soát: có 05 thành viên

Cơ cấu như sau : 01 Trưởng Ban kiểm soát và 04 thành viên. Hiện nay có 02 thành viên đang công tác tại Công ty, 03 thành viên làm việc ngoài Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao 500.000đ/người/ tháng.

Các thành viên Ban kiểm soát đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và chuyên sâu.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2008 của Trung tâm lưu ký chứng khoán TP Hồ Chí Minh).

IX. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Đơn vị tính : 1.000 đ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng số vốn chủ sở hữu					4,135,560	100
A . Cổ đông chưa lưu ký	383,100				383,100	9,26
1. Cổ đông nhà nước	357,700	8,64			357,700	8,64
2 . Cổ đông đặc biệt						
-Cổ đông HĐQT	7,900	0,19			7,900	0,19
- Ban kiểm soát						
3. Cổ đông cá nhân	17,500	0,42			17,500	0,42
4. Cổ đông tổ chức						
B. Cổ đông đã lưu ký	3,639,700		112,760		3,752,460	90,74
1. Cổ đông đặc biệt						
- Cổ đông HĐQT	230,040	5,56			230,040	5,56
- Ban kiểm soát	10,200	0,24			10,200	0,24
2. Cổ đông cá nhân	2,646,229	63,98	111,860	2,70	2,758,089	66,69
3. Cổ đông tổ chức	561,462	13,57	900	0,02	562,362	13,59
4. Cổ phiếu Quỹ	150,000	3,62			150,000	3,62
4.Cổ đông tự doanh	41,769	1,04			41,769	1,04

CTY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
LƯƠNG HÙNG MINH (Đã ký)